



Tổ chức
Lao động
Quốc tế

Tóm tắt tổng quan



Chuỗi ấn phẩm Thế giới Việc làm

Xu hướng Việc làm và Xã hội

2026

Tóm tắt tổng quan

Ổn định trong bối cảnh nhiều biến động

Tiến bộ về chất lượng việc làm chững lại

Trên phạm vi toàn cầu, những cải thiện về chất lượng việc làm đã chậm lại trong hai thập kỷ qua. Giai đoạn 2015–2025, tỷ lệ người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực chỉ giảm 3,1 điểm phần trăm xuống còn 7,9%, so với mức giảm 15 điểm phần trăm của thập kỷ trước đó. Điều này đồng nghĩa với việc vẫn còn 284 triệu người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực, với mức thu nhập dưới 3,00 USD/người/ngày. Đáng lưu ý, tình trạng nghèo cùng cực và nghèo vừa phải trong lao động đều gia tăng tại các quốc gia thu nhập thấp trong giai đoạn 2015–2025; đến năm 2025, gần 68% người lao động tại các quốc gia này sống trong tình trạng nghèo cùng cực hoặc nghèo vừa phải.

Tỷ lệ lao động phi chính thức toàn cầu tăng thêm 0,3 điểm phần trăm trong giai đoạn 2015–2025, sau khi đã giảm trong thập kỷ trước đó. Đến năm 2026, dự kiến có 2,1 tỷ lao động trên toàn cầu làm việc trong khu vực phi chính thức. Lao động phi chính thức thường gắn với chất lượng việc làm thấp hơn do hạn chế tiếp cận an sinh xã hội, quyền tại nơi làm việc, an toàn lao động và bảo đảm việc làm. Sự gia tăng này chủ yếu phản ánh tỷ trọng việc làm toàn cầu ngày càng lớn tại các quốc gia có tỷ lệ phi chính thức cao, đặc biệt tại châu Phi và Nam Á, khiến việc giải quyết tình trạng phi chính thức tại các nền kinh tế này trở nên cấp thiết. Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động tự làm/tự cấp – vốn thường có thu nhập thấp và chủ yếu xuất phát từ nhu cầu mưu sinh tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình – cũng gia tăng trở lại trong giai đoạn 2015–2025.

Sự chậm lại trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành có năng suất cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn đang trở thành rào cản lớn đối với việc bảo đảm tiến bộ bền vững trong khắc phục các thiếu hụt về việc làm bền vững. Tốc độ chuyển dịch lao động giữa các hoạt động kinh tế đã giảm một nửa trên phạm vi toàn cầu trong hai thập kỷ qua. Việc lao động chậm chuyển sang các ngành có mức độ chính thức cao hơn, với vị thế nhân viên cao hơn là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự chậm lại trong cải thiện chất lượng việc làm và tăng trưởng năng suất.

Tỷ lệ thất nghiệp chưa có dấu hiệu biến động, song vẫn tiềm ẩn rủi ro

Nền kinh tế và thị trường lao động toàn cầu tiếp tục duy trì khả năng chống chịu trước mức độ bất định cao và những thay đổi chính sách. Dự báo tăng trưởng GDP giai đoạn 2025–2027 hầu như không thay đổi so với triển vọng năm 2024. Năm 2025, sự chuyển

hướng và điều chỉnh dòng thương mại đã giúp giảm thiểu tác động tức thời của các gián đoạn thương mại; đồng thời, doanh nghiệp và hộ gia đình đẩy nhanh tiêu dùng và đầu tư trong nửa đầu năm, qua đó thúc đẩy hoạt động kinh tế. Dù mức độ bất định cao và niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng suy giảm có thể làm suy yếu tổng cầu, nhưng lạm phát giảm, chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ, cùng với đầu tư vào công nghệ liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI), được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tăng trưởng trong năm 2026. Tuy nhiên, triển vọng vẫn đối mặt với các rủi ro đáng kể liên quan đến nợ công gia tăng, bất định trong chính sách thương mại và các tác động gián đoạn do AI đối với thế giới việc làm. Nếu các rủi ro này hiện thực hóa, chúng có thể gây hệ quả đáng kể không chỉ đối với tăng trưởng việc làm mà còn đối với các khía cạnh cốt lõi của chất lượng việc làm như mức độ phi chính thức, nghèo trong lao động và tiền lương thực tế.

Tăng trưởng lực lượng lao động chậm lại trong bối cảnh thay đổi nhân khẩu học góp phần ổn định tỷ lệ thất nghiệp dù tăng trưởng việc làm thấp. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động toàn cầu dự kiến giảm khoảng 0,2 điểm phần trăm mỗi năm, xuống còn 60,5% vào năm 2027. Xu hướng giảm mang tính cơ cấu này – một phần do dân số già hóa và số người nghỉ hưu tăng – đã tăng tốc trở lại do sự chững lại của xu hướng gia tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ tại các quốc gia thu nhập trung bình thấp và thu nhập cao trong giai đoạn 2015–2025

Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu ước đạt 4,9% năm 2025, không thay đổi so với năm 2024, và dự kiến duy trì quanh mức này đến năm 2027. Số người thất nghiệp toàn cầu dự kiến đạt 186 triệu người vào năm 2026, trong khi thước đo rộng hơn về khoảng trống lao động – đó là khoảng trống việc làm - ước khoảng 408 triệu người. Theo khu vực, Mỹ Latinh và Caribe được dự báo tiếp tục giảm tỷ lệ thất nghiệp trong trung hạn, trong khi

khu vực Bắc Mỹ có thể chứng kiến tình trạng thất nghiệp gia tăng.

Tăng trưởng việc làm toàn cầu dự kiến đạt 1,0% năm 2026, thấp hơn đôi chút so với mức trung bình của thập kỷ trước, với sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia do thay đổi nhân khẩu học.

Việc làm dự kiến sẽ giảm tại các quốc gia thu nhập cao trong năm 2026 – đây là một sự đảo chiều đáng kể so với mức tăng trưởng bình quân 1,1%/năm giai đoạn 2010–2019. Các quốc gia thu nhập trung bình cao cũng đối mặt với tăng trưởng việc làm thấp (0,5%) do yếu tố nhân khẩu học, trong khi các quốc gia thu nhập trung bình thấp dự kiến đạt 1,8%. Nhờ tăng trưởng dân số mạnh và lực lượng thanh niên đông đảo gia nhập thị trường lao động, các quốc gia thu nhập thấp dự kiến đạt mức tăng trưởng việc làm 3,1% năm 2026, sau khi đạt mức tăng trưởng bình quân 2,3% trong giai đoạn 2010–2019. Tuy nhiên, thiếu tăng trưởng năng suất và cơ hội việc làm thỏa đáng có thể khiến các quốc gia này không tận dụng được lợi thế “cơ cấu dân số vàng”.

Năm 2025, phụ nữ chỉ chiếm hai phần năm tổng số việc làm toàn cầu, phản ánh những rào cản đáng kể về giới trong tiếp cận việc làm. Phụ nữ có khả năng tham gia lực lượng lao động thấp hơn nam giới 24,2%, trong khi thanh niên nữ có khả năng không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo (NEET) cao hơn 14,4 điểm phần trăm. Tỷ lệ thất nghiệp của phụ nữ chỉ cao hơn nam giới một chút, cho thấy rào cản chủ yếu nằm ở khâu tiếp cận thị trường lao động. Khoảng trống việc làm đối với phụ nữ vẫn cao hơn so với nam giới, với khoảng cách dự kiến ở mức 4,3 điểm phần trăm năm 2026. Khoảng cách giới khác biệt đáng kể theo khu vực, phản ánh vai trò của chuẩn mực xã hội và định kiến. Đáng chú ý, các khoảng cách giới vẫn chưa được thu hẹp ở các chỉ số như tỷ lệ lao động gia đình không hưởng lương và tỷ lệ người lao động sống trong tình trạng nghèo cùng cực.

Tăng trưởng năng suất và thu nhập lao động chưa đủ để thúc đẩy việc làm thỏa đáng

Tăng trưởng GDP và năng suất lao động tại các quốc gia thu nhập thấp tiếp tục ở mức thấp, hạn chế cải thiện các thiếu hụt về việc làm thỏa đáng. Tăng dân số cao kết hợp với tăng trưởng năng suất yếu làm chậm quá trình hội tụ mức sống giữa các quốc gia thu nhập thấp và các nền kinh tế phát triển hơn. Theo khu vực, tăng trưởng năng suất lao động dự kiến thấp nhất tại Mỹ Latinh và Caribe (1,0%) và cao nhất tại Nam Á

(3,9%). Với các thể chế thị trường lao động phù hợp, tăng năng suất thường dẫn đến tăng tiền lương và theo thời gian góp phần thúc đẩy tăng trưởng việc làm mạnh hơn.

Tăng trưởng tiền lương thực tế và thu nhập lao động toàn cầu vẫn chưa đủ để bù đắp tổn thất thu nhập thực tế do đợt lạm phát tăng cao giai đoạn 2022–24. Tỷ trọng thu nhập lao động trong GDP toàn cầu đạt 52,6% năm 2024, thấp hơn mức

53,0% của năm 2019, cho thấy tiền lương thực tế chưa theo kịp tăng trưởng năng suất lao động. Dù tiền lương thực tế tính theo chỉ số giá tiêu dùng tại

các quốc gia thu nhập cao năm 2024 vẫn thấp hơn mức năm 2019, chi phí lao động thực tế tính theo chỉ số giá sản xuất lại cao hơn so với năm 2019.

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) gia tăng đặt ra thách thức mới cho thanh niên

Điều kiện thị trường lao động đối với thanh niên vẫn đáng quan ngại, đặc biệt tại các quốc gia thu nhập thấp. Năm 2025, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên toàn cầu tăng lên 12,4%, so với mức 12,3% của năm 2024, trong khi tỷ lệ NEET cũng tăng nhẹ lên 20,0% so với mức 19,9%. Khoảng 257 triệu thanh niên thuộc nhóm NEET đang bỏ lỡ cơ hội tích lũy giáo dục, kỹ năng và kinh nghiệm cho tương lai nghề nghiệp. Tình hình đặc biệt nghiêm trọng tại các quốc gia thu nhập thấp, nơi tỷ lệ NEET cao hơn tới 17 điểm phần trăm so với các quốc gia thu nhập cao.

Mặc dù giáo dục đại học mở ra triển vọng tiếp cận việc làm tốt hơn, nhưng điều này không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn. Ở các quốc gia có thu nhập cao, thanh niên có trình độ học vấn cao có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với những người cùng trang lứa có trình độ học vấn thấp hơn. Tuy nhiên, xu hướng này không đúng ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Trong khi nữ thanh niên trung bình

có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn nam thanh niên, điều này không đúng trong các trường hợp sau: khi họ sống ở các nước thu nhập cao và có trình độ dưới cơ bản hoặc cơ bản; khi họ sống ở các nước thu nhập thấp và trung bình thấp và có trình độ học vấn cao; hoặc khi họ sống ở các nước thu nhập trung bình cao và có trình độ học ở mức trung.

Gần đây xuất hiện những lo ngại về tác động của việc AI đối với lao động trẻ, đặc biệt là những người đang tìm kiếm công việc đầu tiên trong các nghề đòi hỏi kỹ năng cao. Những bằng chứng sơ bộ tại các quốc gia thu nhập cao cho thấy thanh niên có trình độ cao khi mới gia nhập thị trường lao động có thể đối mặt nhiều khó khăn hơn do tác động của AI. Phân tích theo mức độ rủi ro tiếp xúc với AI cho thấy nguy cơ tự động hóa rõ rệt hơn ở nhóm thanh niên 15–24 tuổi có trình độ đại học so với nhóm có trình độ thấp hơn. Dù tác động đầy đủ của AI đối với việc làm của thanh niên còn chưa rõ ràng, quy mô ảnh hưởng tiềm tàng của nó cần được theo dõi chặt chẽ.

Gián đoạn thương mại và thay đổi mô hình thương mại tác động đến việc làm

Những gián đoạn gần đây do bất định thương mại, cùng với các biến đổi dài hạn trong thương mại toàn cầu, có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả thị trường lao động. Mô hình của ILO cho thấy sự gia tăng vừa phải của bất định chính sách thương mại có thể làm giảm lợi tức lao động và tiền lương thực tế cho cả lao động có kỹ năng và không có kỹ năng trong tất cả các ngành. Tổn thất ước tính lớn nhất tại các khu vực hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu – lên tới 0,45% tại Đông Nam Á và 0,3% tại châu Âu và Nam Á.

Tiềm năng của thương mại trong việc tạo ra cơ hội việc làm mới cũng đang bị thách thức bởi các gián đoạn này. Trên toàn cầu, khoảng 465 triệu việc làm tại 80 quốc gia phụ thuộc vào nhu cầu nước ngoài thông qua xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ cùng các chuỗi cung ứng liên quan trong năm 2024. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương chiếm hơn một nửa số việc làm này (278 triệu), tiếp theo là châu Âu và Trung Á (96 triệu). Việc làm liên quan đến thương mại phần

ánh xạ hướng thương mại toàn cầu: giảm trong đại dịch COVID-19, phục hồi sau đó và nhìn chung vẫn tương đối ổn định, chiếm khoảng 15,3% việc làm toàn cầu vào năm 2024.

Thương mại có tiềm năng thúc đẩy việc làm thỏa đáng, đặc biệt tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. Các ngành có tỷ trọng việc làm liên quan đến thương mại cao thường có tỷ lệ phi chính thức thấp hơn, mức lương tốt hơn và nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ và thanh niên so với các ngành ít phụ thuộc vào nhu cầu nước ngoài. Tuy nhiên, tăng trưởng thương mại chậm lại và hội nhập sâu hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu làm giảm tốc độ chuyển dịch lao động giữa các ngành, góp phần làm chậm cải thiện các chỉ số việc làm thỏa đáng trên toàn cầu.

Trong tất cả các ngành liên quan đến thương mại, tỷ trọng việc làm trong lĩnh vực dịch vụ thị trường đã tăng với tốc độ ngày càng nhanh, từ 35,9% năm 1995 lên 48,6% năm 2022. Điều này phù hợp với tầm quan trọng ngày càng tăng

của dịch vụ trong thương mại quốc tế, chiếm khoảng một phần tư luồng thương mại quốc tế. Một trong những phân khúc tăng trưởng nhanh nhất – thương mại dịch vụ cung cấp qua môi trường số – đã tăng hơn gấp đôi trong thập kỷ qua và chiếm 14,5% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu năm 2024.

Việc tận dụng thương mại để tạo thêm nhiều việc làm và việc làm chất lượng hơn vẫn diễn ra không đồng đều. Các quốc gia thu nhập thấp phần lớn đứng ngoài các dòng chảy thương mại và đầu tư xuyên biên giới, và có nguy cơ

bị bỏ lại phía sau khi các chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tái cấu trúc. Các dòng thương mại và đầu tư giữa các quốc gia thu nhập thấp và trung bình đã tăng từ 6% năm 2005 lên 14% vào năm 2024. Tuy nhiên, tỷ trọng việc làm liên quan đến thương mại gắn với thương mại nội vùng chỉ khoảng 5% ở châu Phi và các Quốc gia Ả Rập, và 9,5% ở Nam Mỹ, so với mức cao hơn nhiều ở các khu vực do các quốc gia thu nhập cao chiếm ưu thế - 47,1% ở Canada, Mexico và Hoa Kỳ và 57,4% ở châu Âu và Trung Á.

Cần tăng trưởng nhanh hơn và thể chế mạnh hơn để giải quyết các thiếu hụt về việc làm thỏa đáng

Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu vẫn duy trì ổn định trước những trở ngại của kinh tế toàn cầu, nhưng thế giới vẫn chưa đạt được tiến bộ đáng kể trong giảm các thiếu hụt về việc làm thỏa đáng. Trước những thay đổi nhân khẩu học, các thiếu hụt này có nguy cơ gia tăng trở lại sau một thời gian dài cải thiện. Trong khi đó, việc ứng dụng AI ngày càng nhiều, sự bất định của chính sách thương mại, dòng vốn đầu tư trực tiếp

nước ngoài thấp và tăng trưởng thương mại trì trệ khiến việc cải thiện điều kiện làm việc thông qua mở rộng việc làm trong các ngành liên quan đến thương mại trở nên khó khăn hơn. Trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu ảm đạm và nguồn viện trợ phát triển chính thức sụt giảm, các quốc gia sẽ ngày càng phải dựa nhiều hơn vào chính sách trong nước và các động lực chuyển đổi kinh tế để thúc đẩy việc làm thỏa đáng.

Thúc đẩy công bằng xã hội, tăng cường việc làm thoả đáng

Tổ chức Lao động Quốc tế là cơ quan chuyên trách của Liên Hợp Quốc về lao động và việc làm. Chúng tôi kết nối các chính phủ, người lao động và người sử dụng lao động nhằm thúc đẩy cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm đối với tương lai của việc làm, thông qua quá trình tạo việc làm, quyền trong lao động, an sinh xã hội và đối thoại xã hội.

ilo.org

Tổ chức Lao động Quốc tế
Route des Morillons 4
1211 Geneva 22
Thụy Sĩ



Giấy phép [CC BY 4.0](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/) © Tổ chức Lao động Quốc tế 2026

Báo cáo tổng quan của Ấn phẩm ILO: ILO, *Xu hướng Việc làm và Xã hội 2026*, Chuỗi ấn phẩm Thế giới Việc làm, Geneva: Tổ chức Lao động Quốc tế, 2026. © ILO. ISBN: 9789220430552 (bản in); 9789220430569 (PDF).

DOI: <https://doi.org/10.54394/AHRT2681>